

2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT



CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt	Công ty Cổ phần Hestia
Tên tiếng Anh	Hestia Joint Stock Company
Tên giao dịch	Hestia
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/02/2014, cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 08/01/2018
Đại diện theo pháp luật	Ông Lê Giang Trung – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2017)	45.808.460.000 đồng (Bằng chữ, bốn mươi lăm tỷ tám trăm lẻ tám triệu và bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2017)	129.163.930.488 đồng (Bằng chữ, một trăm hai mươi chín tỷ một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)
Mã cổ phiếu	HSA
Trụ sở chính	Tầng 14, Việt Tower, số 1, Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(+84) 24 3537 9671
Website	http://www.hestia.vn/

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT			
BĐH	Ban Điều hành	HDQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát	LNST	Lợi nhuận sau thuế
CAGR	Tăng trưởng kép bình quân	Market Cap	Giá trị vốn hóa thị trường
Công ty	Công ty Cổ phần Hestia	M&A	Hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ESOP	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	TGD	Tổng Giám đốc
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	TMCP	Thương mại cổ phần
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Hestia	Công ty Cổ phần Hestia	UPCOM	Sàn Giao dịch chứng khoán UPCOM
HOSE	Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	VND	Đồng Việt Nam

NỘI DUNG

THÔNG điệp từ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
01. TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP	6
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Cốt lõi	8
Quá trình hình thành	10
Giới thiệu Ban Lãnh đạo	14
Thông tin Cổ đông	17
Chính sách liên quan đến người lao động	18
Định hướng phát triển	19
02. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017	20
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	22
Tình hình tài chính năm 2017	22
Tình hình tài chính chung	22
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	24
Hoạt động đầu tư năm 2017	24
03. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2018	26
Định hướng chiến lược	28
Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2018	29
04. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	30
Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2017	32
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017	36
05. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	38

Tỷ suất lợi nhuận
NĂM 2017 ĐẠT
78,94%

Năm
2018
HỨA HẸN NHIỀU
“Tiềm năng”
&
“Cơ hội”



Ông Lê Giang Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Hestia

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2017 là một năm thăng hoa rực rỡ của thị trường chứng khoán Việt Nam khi mà VN Index tăng 48,03% và thị trường cuối năm đóng cửa ở mức 984.24 điểm, mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Thành công của thị trường chứng khoán Việt Nam đến từ việc kinh tế tăng trưởng ngoạn mục với tăng trưởng GDP ở mức 6,81%, lạm phát và lãi suất đều đang duy trì ổn định ở mức rất thấp, và dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài đang ò ạt đổ vào Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Hestia tiếp tục đạt được kết quả khả quan trong năm 2017. Kết thúc năm tài chính 2017, tổng tài sản công ty đạt hơn 216 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 14 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 326,72% và 300,24% so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận ROE là 20,17 %. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ và đánh dấu sự tăng trưởng ổn định của Công ty so với các năm trước.

“HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA TIẾP TỤC ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ KHẢ QUAN TRONG NĂM 2017”

Năm 2018 – Hứa hẹn nhiều tiềm năng, cơ hội

Bước sang 2018, nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn còn rất nhiều cơ hội và tiềm năng để phát triển. Nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ vào động lực đến từ đầu tư vốn nước ngoài (FDI) khi mà cơ cấu dân số trẻ, thị trường rộng lớn, giá nhân công lao động rẻ là những điểm vẫn còn đầy tính hấp dẫn của Việt Nam đối với thế giới. Kinh tế vĩ mô vẫn tiếp tục ổn định, tăng trưởng GDP được dự đoán khoảng 6% – 7%/năm sẽ là nền tảng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, còn có rất nhiều yếu tố hỗ trợ khác như:

- Làn sóng cổ phần hóa sẽ giúp các doanh nghiệp nhà nước hoạt động tốt hơn, tăng tính hiệu quả chung của nền kinh tế.
- Lãi suất vẫn đang được giữ ổn định ở mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây – lãi suất thấp sẽ có tác động tích cực đến thị trường chứng khoán theo hai hướng: (1) Lãi vay thấp, giúp kích thích kinh tế, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, tốn ít chi phí hơn và (2) Các nhà đầu tư cũng sẽ có xu hướng đầu tư vào những tài sản rủi ro như cổ phiếu do mức lãi suất gửi không hấp dẫn.
- FDI tiếp tục tăng giúp nguồn cung ngoại tệ dồi dào, tỷ giá ổn định.

Năm cũ đã qua đi và một năm mới đang đến, thị trường chứng khoán sẽ luôn tiềm ẩn nhiều biến động, nhiều bất ngờ đầy thú vị và cả những rủi ro mà không ai có thể biết trước được. Tuy nhiên, kiên trì với triết lý đầu tư giá trị sẽ giúp chúng ta vượt qua được những khó khăn và gặt hái được nhiều thành công lớn hơn trong năm 2018.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi tin rằng với chiến lược kinh doanh khả quan được chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp, kế hoạch triển khai vừa linh động vừa cụ thể và các khâu chuẩn bị thiết thực khác, và quan trọng là với đội ngũ nhân sự cốt lõi với ý chí và tinh thần trách nhiệm cao, Hestia chắc chắn sẽ đạt được những kết quả kỳ vọng.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đề ra. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ cũng như sự đồng hành của Quý Cổ đông trong năm qua.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

Lê Giang Trung

01.

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Cốt lõi	8
Quá trình hình thành	10
Giới thiệu Ban Lãnh đạo	14
Thông tin Cổ đông	17
Chính sách liên quan đến người lao động	18
Định hướng phát triển	19

TẦM NHÌN

Công ty Hestia được định hướng phát triển theo mô hình công ty đầu tư với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư hiệu quả. Theo đó, Công ty tập trung đầu tư vào các công ty có tiềm năng tăng trưởng tốt có khả năng tạo ra thu nhập/dòng tiền tốt, và dùng những khoản thu nhập/dòng tiền này để tái đầu tư vào các công ty khác có triển vọng tăng trưởng tốt nhằm tạo ra thu nhập/dòng tiền lớn hơn.

Mục tiêu dài hạn là xây dựng Hestia thành một hệ thống, một cỗ máy phân bổ vốn đầu tư hiệu quả. Chiến lược đến năm 2022 của Công ty là trở thành Tập đoàn với quy mô tài sản lên tới hàng nghìn tỷ đồng.

SỨ MỆNH

Hestia được thành lập với sứ mệnh gắn kết các cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính, nỗ lực để duy trì hiệu quả đầu tư, phát triển bền vững mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông. Nền tảng cho việc phát triển dựa trên hoạt động đầu tư hiệu quả mang lại lợi nhuận trong dài hạn cho các cổ đông. Chúng tôi luôn nỗ lực để duy trì hiệu quả đầu tư, phát triển bền vững mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông.



Đối tác

Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có giá trị nhất cho xã hội



Nhân viên

Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần vào sự phát triển của công ty



Cổ đông

Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa các thông tin về hoạt động của Công ty đến với cổ đông và nhà đầu tư



Cộng đồng và xã hội

Hestia luôn xem việc chia sẻ tấm lòng với cộng đồng bằng cả vật chất lẫn tinh thần là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

GIÁ TRỊ CỐT LỖI



TỶ SUẤT LỢI NHUẬN ỔN ĐỊNH

Duy trì tỷ suất lợi nhuận ổn định 15-20%/năm và tận dụng sức mạnh của lãi kép để gia tăng tài sản cho cổ đông



ƯU TIÊN BẢO TOÀN VỐN



Ưu tiên số một là bảo toàn vốn cho cổ đông

CHUYÊN GIA ĐẦU TƯ HÀNG ĐẦU



Công ty đầu tư chuyên nghiệp với những chuyên gia hàng đầu có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư

ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ

Nguyên tắc đầu tư giá trị, theo đó, Công ty sẽ đầu tư dựa vào giá trị của doanh nghiệp



“Quá trình & Định hướng HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN”

Quá trình
Hình thành và phát triển



Ngành nghề kinh doanh

Căn cứ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/02/2014, cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 08/01/2018, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Hestia bao gồm:

Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán)
Mua bán chứng khoán kinh doanh

Địa bàn kinh doanh: Hà Nội

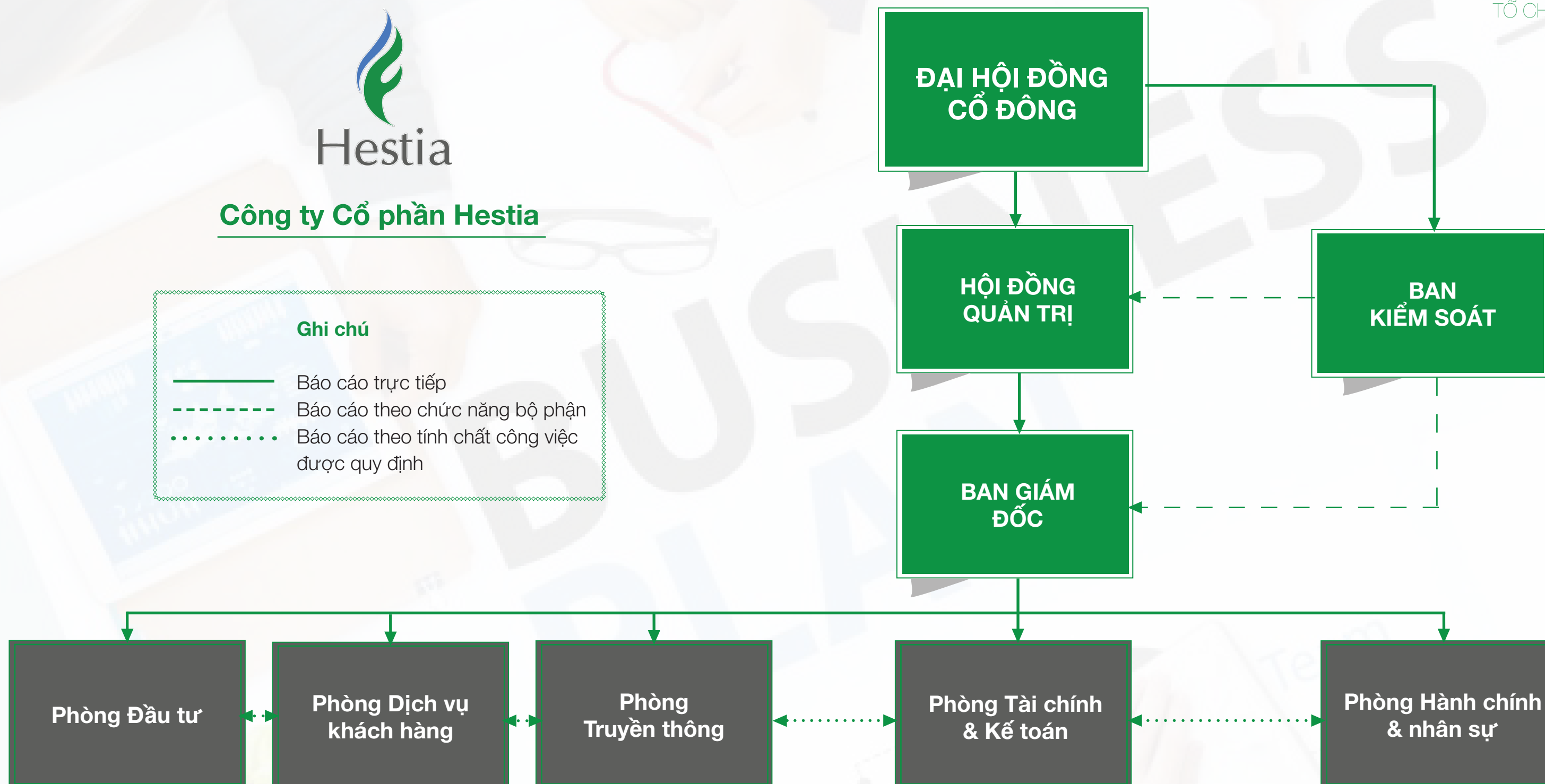
Trụ sở chính tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Việt Tower, số 1 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.



Công ty Cổ phần Hestia

Ghi chú

- Báo cáo trực tiếp
- - - - - Báo cáo theo chức năng bộ phận
- Báo cáo theo tính chất công việc được quy định



Giới thiệu

Hội đồng Quản trị

Năm 2017, HĐQT đã duy trì hoạt động theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị của công ty. Trong năm 2017 vừa qua, HĐQT đã bầu bổ sung ông Nguyễn Đức Khang (lý lịch trong mục giới thiệu HĐQT) làm thành viên HĐQT. Như vậy, tính đến hết ngày 31/12/2017, HĐQT Hestia gồm có 05 thành viên, trong đó bà Trần Phương Dung, bà Nguyễn Thị Hồng Hậu và bà Trần Hoàng Thanh Thảo là các thành viên độc lập và không trực tiếp điều hành công ty để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

“ GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ”

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Giang Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Khang
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Phương Dung
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thanh Thảo
Thành viên Hội đồng Quản trị



ÔNG LÊ GIANG TRUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Trung là thành viên sáng lập, đồng thời đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty. Ông là người điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển, chiến lược đầu tư và chịu trách nhiệm cuối cùng trong các quyết định đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư tối ưu nhất cho Công ty

Với hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý đầu tư, ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tập đoàn tài chính, Quỹ đầu tư lớn ở Việt Nam. Trước khi thành lập Hestia, ông Trung từng giữ vị trí Giám đốc Khối Cổ phiếu tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Ông Trung tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính, Đại học Monash (Australia) và nhận Chứng chỉ CFA của hiệp hội CFA tại Mỹ (2009).



Ông Nguyễn Đức Khang
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Hiện nay với cương vị Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, ông Khang là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, quản lý đầu tư và tham gia hoạch định chiến lược phát triển của Công ty

Trước khi gia nhập Hestia, Ông Khang có hơn 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tại các Công ty chứng khoán và Quỹ đầu tư lớn tại Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm vị trí phân tích đầu tư tại Quỹ Bảo Việt. Ông Khang được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ ngày 31/03/2017.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Corvinus (Budapest).

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Hồng Anh
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Hằng
Thành viên Ban Kiểm soát

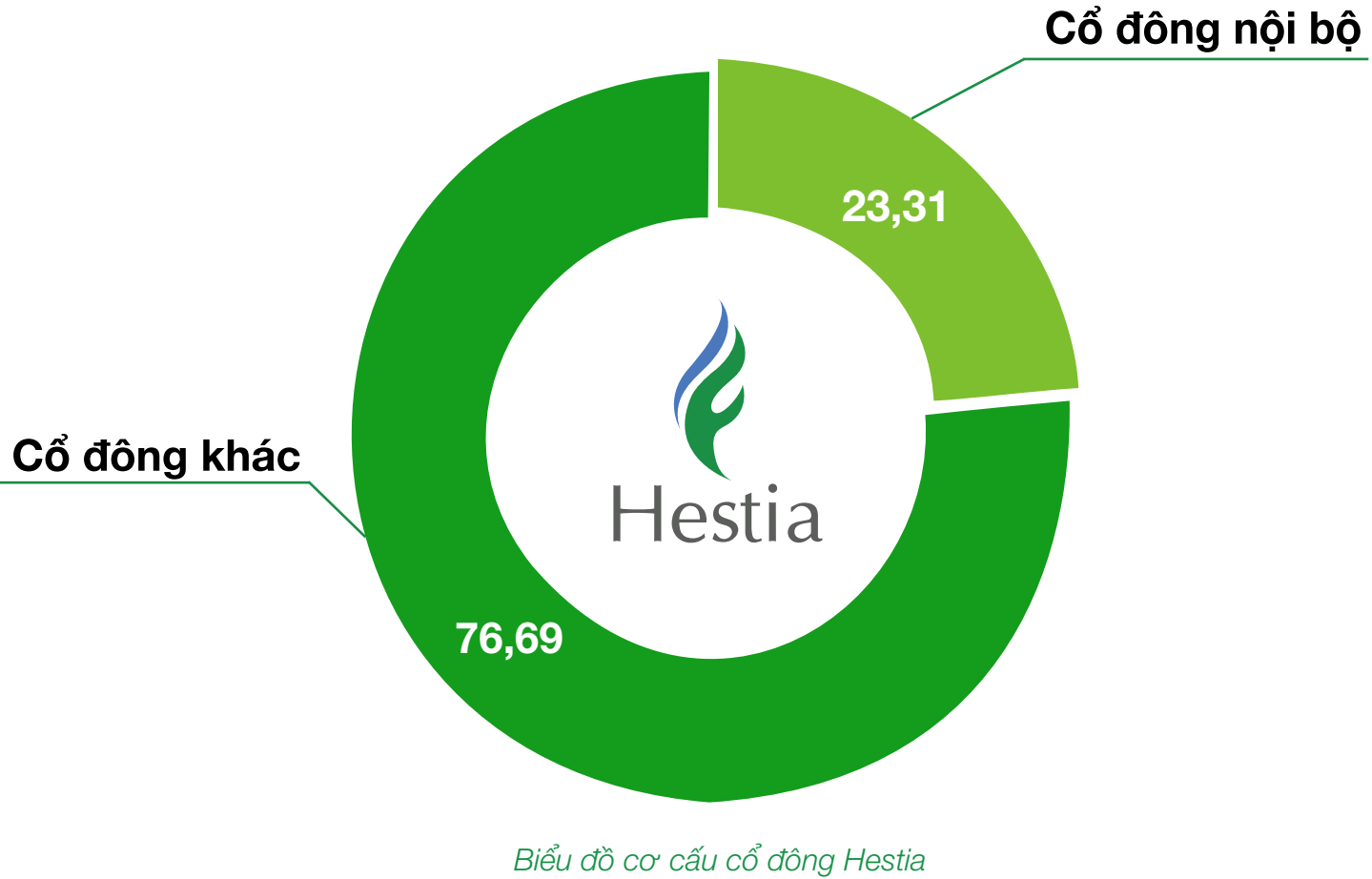
Bà Nguyễn Thị Thu Trang
Thành viên Ban Kiểm soát

BAN GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN	Tại ngày 31/12/2017, Số cổ phần của Công ty như sau:	
Đơn vị tính: Cổ phần (CP)		
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.580.846	
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông	
Số lượng cổ phần phổ thông	4.580.846	
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	1.680.000	
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng (Hạn chế chuyển nhượng sẽ hết hiệu lực vào ngày 11/11/2018)	2.900.846	
Mệnh giá	10.000 đồng/CP	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông của Công ty được dựa vào danh sách chốt cổ đông ngày gần nhất là ngày 21/02/2018. Cụ thể:		
Theo nhóm cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng
Cổ đông nội bộ	1.067.900	23,31	8
Cổ đông khác	3.512.946	76,69	167
Cổ đông lớn (>= 5%)			
• Trong nước	1.661.845	36,28	5
• Nước ngoài	0	0	0
Cổ đông khác (<5%)			
• Trong nước	2.919.001	63,72	170
• Nước ngoài	0	0	0
Tổng cộng	4.580.846	100	175

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN			
STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trần Phương Dung	450.300	9,83
2	Lã Giang Trung	401.800	8,77
3	Đào Gia Hưng	307.800	6,72
4	Chu Minh Ngọc	259.893	5,67
5	Nguyễn Bá Hưng	242.052	5,28
6	Các cổ động khác	2.919.001	63,72
Tổng cộng		4.580.846	100





Căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017, Công ty đã thực hiện phát hành 02 lần phát hành cổ phiếu trong năm 2017, chi tiết như sau:

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (“ESOP”)

Hestia thực hiện chương trình Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty. Trong đó, chi tiết về việc phát hành cổ phiếu ESOP như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 80.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 0 đồng
- Thời gian phát hành: 15/07/2017

Phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

Công ty đã phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhằm mục đích huy động vốn, chi tiết cụ thể về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.900.846 cổ phiếu
- Giá phát hành: 33.521 đồng/cổ phiếu
- Thời gian phát hành: 20/11/2017

Cổ phiếu Quỹ: Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ

PHÁT HÀNH Cổ phiếu NĂM 2017

CHÍNH SÁCH & Đào tạo & Tuyển dụng

Hestia luôn quan tâm và coi “Nhân sự” là một trong những yếu tố cốt lõi trong hoạt động của Công ty. Vì vậy, Hestia luôn chú trọng xây dựng và không ngừng đổi mới chính sách nhân sự hợp lý để mang lại những giá trị toàn diện nhất cho cán bộ nhân viên.

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty. Vì vậy, mục tiêu chiến lược phát triển của Hestia đặt lên việc xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động, giàu lòng nhiệt huyết và năng lực chuyên môn phù hợp.
- Chú trọng nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng. Trong năm 2017, số lượng nhân viên mới được tăng lên nhanh chóng và được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh với công ty và bắt đầu có những đóng góp cùng sự phát triển của Công ty.
- Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc (08 giờ/ngày), chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, v.v
- Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động áp dụng theo Quy chế trả lương của Công ty đã được HĐQT phê duyệt. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.



Định hướng
Phát triển

Với chiến lược phát triển dài hạn, Công ty nhận định và chia giai đoạn phát triển thành hai giai đoạn 5 năm

2016

Giai đoạn 2016 – 2020:

Giai đoạn 5 năm đầu tiên sẽ được Công ty trước mắt sẽ chỉ tập trung đầu tư vào các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán và tiếp tục duy trì một tỷ suất lợi nhuận ổn định do quy mô nguồn vốn đầu tư còn nhỏ.

2020

2021

Giai đoạn 2021 – 2025:

Giai đoạn 5 năm tiếp theo dự kiến quy mô tài sản sẽ lên mức trên 1.000 tỷ và với quy mô đủ lớn này, Công ty sẽ bắt đầu tìm kiếm các cơ hội để đầu tư và nắm giữ cổ phần chi phối ở các công ty có hoạt động kinh doanh bền vững và dòng tiền kinh doanh ổn định.

Bên cạnh việc đầu tư thông thường, công việc của Hestia tại thời điểm đó sẽ gồm cả việc phân bổ nguồn vốn từ các công ty con đến những nơi có thể sử dụng nguồn vốn với hiệu quả cao nhất.

Song song với hai định hướng trên, Công ty cũng sẽ tập trung vào việc thu hút nguồn vốn đầu tư và tiến tới việc mở rộng quy mô hoạt động thông qua các hoạt động M&A.

2025

02.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2017	22
Tình hình hoạt động	22
Hoạt động đầu tư năm 2017	24



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

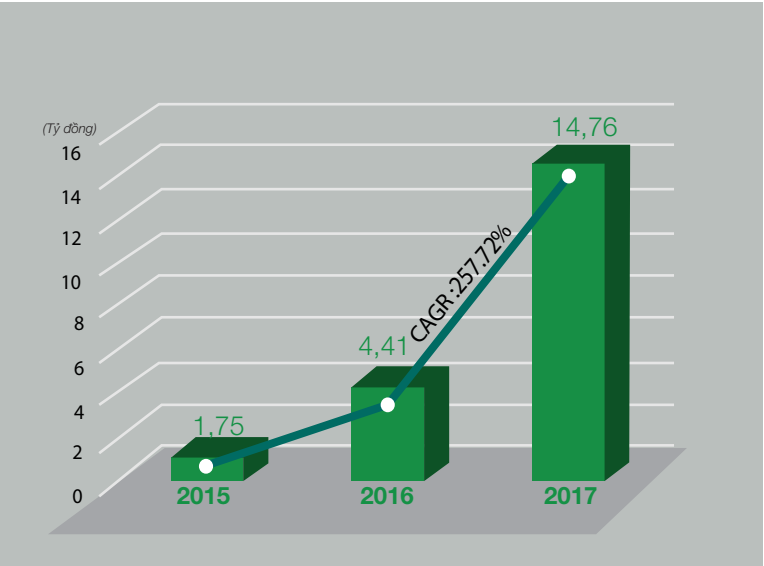
Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	50.653.313.617	216.175.129.085	326,77
2	Vốn điều lệ	16.000.000.000	45.808.460.000	186,30
3	Lợi nhuận trước thuế	4.605.822.549	18.434.557.698	300,24
4	Lợi nhuận sau thuế	4.417.307.381	14.766.536.184	234,29

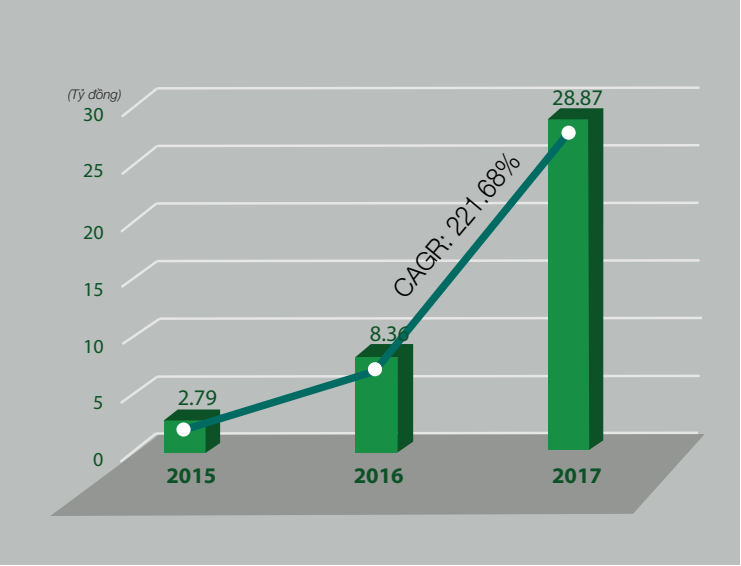
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017

Trong năm 2017 Công ty duy trì sự ổn định tài chính với sự tăng trưởng vượt trội so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 14 tỷ đồng, tương đương tăng 234,29% so với năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) tăng lên 8.170 VNĐ. Các chỉ tiêu khác như tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lần lượt đạt hơn 216 tỷ đồng và hơn 129 tỷ đồng; tăng trưởng vượt bậc lên 326,77% và 648,78% so với năm 2016.

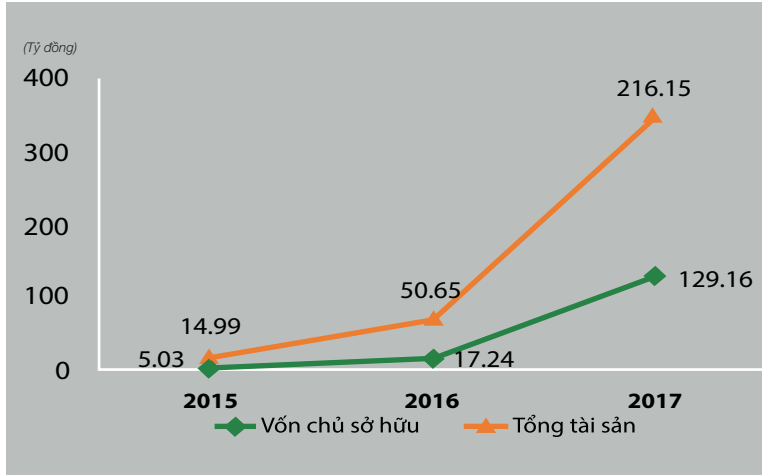
STT	Chỉ tiêu	2015 (Tỷ VNĐ)	2016 (Tỷ VNĐ)	2017 (Tỷ VNĐ)	Thay đổi 2017/2016 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	14.991.419.741	50.653.313.617	216.175.129.085	326,77%
2	Vốn chủ sở hữu	5.032.571.539	17.249.878.920	129.163.930.488	648,78%
3	Vốn điều lệ	8.200.000.000	16.000.000.000	45.808.460.000	186,30%
4	Tổng nợ phải trả		33.403.434.697	87.011.198.597	160,48%
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2.796.872.968	8.363.132.412	28.871.455.638	245,22%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.153.959.837	4.592.924.333	18.353.297.301	299,60%
7	Lợi nhuận trước thuế	1.153.959.837	4.605.822.549	18.434.557.698	300,24%
8	Lợi nhuận sau thuế	1.153.959.837	4.417.307.381	14.766.536.184	234,29%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đơn vị: VNĐ)	1.407	3.648	8.170	123,96%



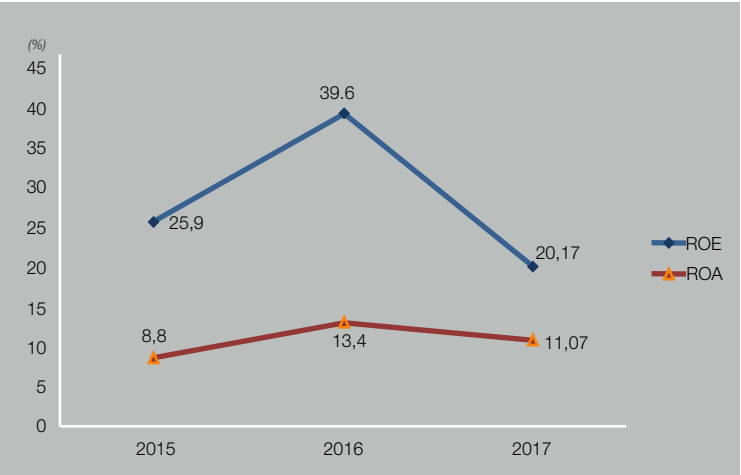
Biểu đồ 1: Doanh thu từ hoạt động đầu tư



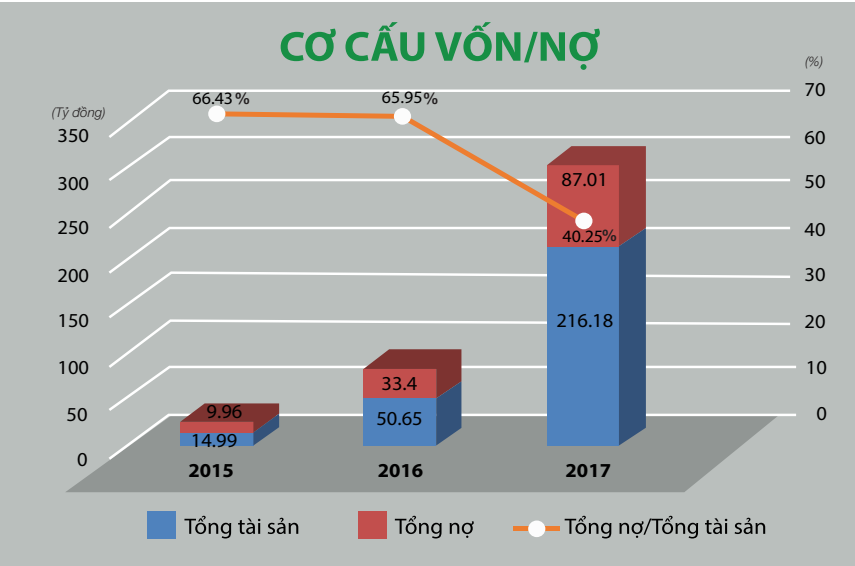
Biểu đồ 2: Lợi nhuận sau thuế



Biểu đồ 3: Tăng trưởng Vốn chủ sở hữu – Tổng tài sản



Biểu đồ 4: Chỉ số ROA - ROE



Biểu đồ 5: Cơ cấu vốn/nợ

Năm 2017 đánh dấu sự tăng trưởng nổi bật về Lợi nhuận sau thuế và Doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty. Cụ thể, tỷ lệ tăng trưởng bình quân/năm của chỉ số Lợi nhuận sau thuế tăng 257,72% và 221,68% đối với Doanh thu từ hoạt động đầu tư.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Năm 2017 cho thấy Hestia đã rất thành công trong việc quản lý tài chính chặt chẽ với kết quả khả quan từ kết quả kinh doanh. Công ty tiếp tục duy trì các chỉ số tài chính ở mức an toàn, đáp ứng và giữ vững niềm tin của cổ đông.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2017

Năm 2017, Hestia đạt tỷ suất lợi nhuận là 78,94% - vượt trội hơn hẳn so với mức tăng trưởng chung của thị trường. Nếu tính từ đầu năm 2016 thì tỷ suất lợi nhuận bình quân sau hai năm hoạt động là 143,58%/năm và tổng tỷ suất lợi nhuận là 493,33%. Thành công khả quan này là minh chứng sức mạnh phi thường của lãi suất kép, và Hestia kỳ vọng con số này sẽ tăng trưởng mạnh hơn trong thời gian tới.

Nếu so với năm 2016, hiệu quả đầu tư của công ty thành công chủ yếu đến từ việc lựa chọn bốn cổ phiếu có tỷ trọng đầu tư lớn là MWG, PNJ, FPT, HDG thì thành công của năm 2017 đến từ việc lựa chọn đúng đắn khi tiếp tục đầu tư với tỷ trọng lớn vào MWG, HDG và bổ sung thêm cổ phiếu VPB. Ngoài ra, trong danh mục đầu tư năm 2017 có bổ sung thêm một số cổ phiếu có tỷ trọng khá nhỏ khác như TA9, ADP.

Chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,65	0,4	
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,93	0,67	
2. Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	52%	51,14%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	39,6%	20,17%	
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	13,4%	11,07%	

Nội dung	Hiệu quả đầu tư (%)	
	Hestia	VN Index
2016	231,59	14,82
2017	78,94	48,03
Tỷ suất lợi nhuận bình quân/ năm	143,58	30,38
Tổng tỷ suất lợi nhuận 2016-2017	493,33	69,98

“Trong năm 2017, Hestia tiếp tục lựa chọn cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động (MWG) làm trọng tâm đầu tư dựa trên kết quả kinh doanh tăng trưởng nổi bật trong những năm gần đây. Thành công của việc đầu tư vào MWG giúp Hestia tin tưởng rằng chỉ cần đầu tư vào những doanh nghiệp tuyệt vời, kể cả ở mức giá không hề rẻ sẽ đem lại một mức tỷ suất lợi nhuận tuyệt vời cho các nhà đầu tư.”

Mã cổ phiếu	Tên doanh nghiệp
MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động
PNJ	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận
FPT	Công ty cổ phần FPT
HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô
TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96
ADP	Công ty Cổ phần sơn Á Đông

Các khoản đầu tư trọng tâm tính đến 31/12/2017

Tên doanh nghiệp đầu tư	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Giá trị đầu tư
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động (MWG)	1.222.300	116.003.673.312
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	1.920.840	75.772.629.720

03.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2018

Định hướng chiến lược	-----	28
Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018	-----	29



Định hướng & Chiến lược

Thị trường chứng khoán trong năm 2018 được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển và nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, con đường nào, dù thuận lợi đến đâu cũng bao gồm cả khó khăn và thách thức, và mức tỷ suất lợi nhuận bình quân hơn 70% cho giai đoạn 2016 – 2017 là mức rất cao và khó có thể duy trì đều đặn hàng năm. Do đó, mục tiêu được đặt ra cho Hestia trong năm 2018 như sau

1

Tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững, duy trì tỷ lệ ROE hàng năm ở mức tối thiểu 15-20%

2

Phấn đấu và phát huy vị thế là công ty đầu tư đi đầu trong lĩnh vực thực hiện tư vấn đầu tư, nâng quy mô Hestia lên mốc 500 tỷ đồng, làm cơ sở để thực hiện hoạt động M&A, đây được coi là đầu tư bền vững – không chỉ là đầu tư tài chính đơn thuần như hiện tại

3

Thực hiện niêm yết cổ phiếu HSA trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE - nơi có chuẩn mực khắt khe nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm mục đích tăng tính thanh khoản, cũng như là sự minh bạch, rõ ràng đối với cổ đông và nhà đầu tư

4

Đa dạng hóa danh mục đầu tư, hướng đến việc đầu tư vào các doanh nghiệp tiềm năng tăng trưởng cao tuy có giá trị thấp

5

Trọng tâm chú trọng đầu tư phát triển thương hiệu Công ty thông qua các kênh thông tin trực tuyến

Mục tiêu Phát triển

Hướng đến năm 2018, chúng tôi tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng cao so với năm 2017. Theo đó, chỉ tiêu tổng doanh thu kỳ vọng đạt 35 tỷ đồng, tăng trưởng trên 121,22% so với năm 2017 và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mức 20 tỷ đồng, cao hơn năm 2017 là 135,45%. Để thực hiện các mục tiêu trên, chúng tôi đặt ra chiến lược cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tăng trưởng %TH 2017
Doanh thu từ hoạt động đầu tư	28,871	35	121,22%
Lợi nhuận trước thuế	18,434	25	135,62%
Lợi nhuận sau thuế	14,766	20	135,45%



04.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017	32
Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017	36
Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	37



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó một cách cẩn trọng, cụ thể như: chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đồng thời giám sát kết quả hoạt động mà HĐQT đã thông qua. HĐQT đã có những quyết định kịp thời góp phần mang lại hiệu quả, lợi ích và sự phát triển ổn định cho Công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT của Hestia cũng thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra về các vấn đề:

- Giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.
- Giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trong năm 2017, Hestia được ĐHĐCĐ thông qua, bổ nhiệm 01 thành viên vào HĐQT. Các thành viên HĐQT vẫn duy trì hoạt động trong nhiệm kỳ của họ.

STT	Thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên			Tỷ lệ sở hữu cổ phần	
			Độc lập	Không điều hành	Điều hành	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Giang Trung	Chủ tịch			•	401.800	8,77
2	Ông Nguyễn Đức Khang	Thành viên			•	85.300	1,86
3	Bà Trần Phương Dung	Thành viên	•	•		450.300	9,83
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên	•	•		130.500	2,85
5	Bà Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên	•	•		0	0

Các cuộc họp của HĐQT năm 2017

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp (%)
1	Ông Lê Giang Trung	Chủ tịch	8/8	100
2	Ông Nguyễn Đức Khang (*)	Thành viên	7/7	100
3	Bà Trần Phương Dung	Thành viên	8/8	100
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên	8/8	100
5	Bà Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên	8/8	100

Ghi chú (*): Ông Nguyễn Đức Khang được ĐHĐCĐ bầu bổ nhiệm kể từ ngày 31/03/2017

Như vậy, tất cả các thành viên đều tham dự đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT. Ngoài ra, trong mỗi cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS với vai trò quan sát viên.

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT năm 2017

Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 08 Nghị quyết trong năm 2017 như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQHĐQT	17/03/2017	Vay vốn bổ sung vốn lưu động trong quá trình kinh doanh
2	02/2017/NQHĐQT	03/04/2017	Thông qua tiêu chuẩn, thời điểm chốt danh sách và điều kiện cán bộ nhân viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu năm 2017 và việc triển khai thực hiện thủ tục xin chấp thuận tăng vốn điều lệ Công ty
3	03/2017/NQHĐQT	09/05/2017	Thông qua tiêu chuẩn và danh sách cán bộ nhân viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu năm 2017
4	04/2017/NQHĐQT	09/05/2017	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty
5	05/2017/NQHĐQT	12/07/2017	Chuẩn bị tổ chức họp ĐHCĐ bất thường năm 2017
6	06/2017/NQHĐQT	21/08/2017	Công bố thông tin về Nghị quyết HĐQT năm 2017
7	07/2017/NQHĐQT	11/12/2017	Thông qua báo cáo và phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết do nhà đầu tư được tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ không đăng ký mua hết
8	08/2017/NQHĐQT	27/12/2017	Thông qua sửa đổi điều lệ công ty

Giao dịch cổ phiếu và các bên liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Lã Giang Trung	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	337.800	7,37	401.800	8,77	Nhận 64.000 cổ phiếu phát hành ESOP
2	Nguyễn Đức Khang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	82.000	1,79	85.300	1,86	Nhận 16.000 cổ phiếu phát hành ESOP, mua 300 cổ phiếu và bán 13.000 cổ phiếu
3	Trần Phương Dung	Thành viên HĐQT	212.300	4,63	450.300	9,83	Mua 238.000 cổ phiếu
4	Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng BKS	100	0,001	0	0	Bán 100 cổ phiếu
5	Trần Thị Hiền	Kế toán trưởng	0	0	10.481	0,23	Mua 10.481 cổ phiếu
6	Chu Minh Ngọc	Người có liên quan	17.400	0,38	259.893	5,67	Mua 242.493 cổ phiếu
7	Lã Trung Hiếu	Người có liên quan	200	0,004	148.446	3,24	Bán 200 cổ phiếu, mua 148.446 cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Hồng Phương	Người có liên quan	30.800	0,67	22.000	0,48	Bán 8.800 cổ phiếu
9	Lã Quốc Phòng	Người có liên quan	500	0,011	33.136	0,72	Mua 32.636 cổ phiếu
10	Nguyễn Minh Hòa	Người có liên quan	600	0,013	131.282	2,87	Mua 130.682 cổ phiếu
11	Nguyễn Đức Phương	Người có liên quan	300	0,007	56.439	1,23	Mua 56.139 cổ phiếu

Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2017

Căn cứ Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ Quản lý khác trong việc điều hành công việc hàng ngày của công ty. Trong năm 2017, TGD đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty một cách đầy đủ, minh bạch.

HĐQT đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể:

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên chịu trách nhiệm về các lĩnh vực cụ thể;
- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của HĐQT đã ban hành quyết định tăng vốn trong năm 2017.

Trong năm 2017, HĐQT đã trình ĐHCĐ thông qua phương án sửa đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Thay đổi tên gọi, trụ sở và phạm vi hoạt động của Công ty;
- Thay đổi thông tin vốn điều lệ, như vậy vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 45.808.460 tỷ đồng (Bằng chữ, bốn mươi lăm tỷ tám trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm cũng như tham dự ĐHCĐ.

Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018

Năm 2018, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

- Dự kiến trong năm 2018, HĐQT sẽ trình ĐHCĐ phê duyệt bầu bổ sung 02 thành viên vào cơ cấu hoạt động.
- Phối hợp với BKS, tăng cường kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp hóa theo quy chuẩn của một Công ty đại chúng.
- Tập trung giám sát triển khai các kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 được ĐHCĐ thông



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra để thực thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2017, cơ cấu BKS có thay đổi so với những năm trước, trong đó BKS được bầu bổ sung 01 thành viên. Dưới đây là danh sách cụ thể các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng cổ phần sở hữu Hestia tại thời điểm 31/12/2017:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng ban	Độc lập	0	0
2	Đỗ Thị Hằng	Thành viên	Không điều hành	0	0
3	Nguyễn Thị Thu Trang (*)	Thành viên	Không điều hành	0	0

Ghi chú (*): Bà Nguyễn Thị Thu Trang được ĐHĐCĐ phê duyệt bầu bổ nhiệm vào BKS từ ngày 31/03/2017

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Với tư cách là đại diện cổ đông và được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại Công ty để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện những công việc và các vấn đề trọng yếu, chú trọng kiểm soát mức độ an toàn và hiệu quả, cụ thể:

Về việc tuân thủ pháp luật

- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGD;
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng quy định pháp luật nhà nước Việt Nam, Điều lệ của công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định khác của pháp luật. Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ vào quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam;
- Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng trong nghị quyết HĐQT;
- Giám sát tình hình thực hiện và kết quả triển khai nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT;
- Giám sát sự tuân thủ Pháp luật Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của Công ty. Trong năm 2017, BKS nhận thấy không có dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam và Điều lệ của Công ty;

Kết luận: BKS đánh giá việc quản lý, điều hành Công ty của HĐQT, BGD, các cán bộ quản lý và cổ đông đã được thực hiện một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Về tình hình tài chính

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính;
- Xét chọn kiểm toán độc lập năm tài chính 2017;
- BKS đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Báo cáo giám sát và đánh giá TGD và BGD

Căn cứ Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty và triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2017 như sau:

Lập kế hoạch và nỗ lực triển khai thực hiện các mục tiêu hoạt động kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt;

- Lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm (2016-2020);
- Ban Giám đốc đã thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thực hiện các Nghị quyết do ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành.

Kết luận: BKS đánh giá TGD và BGD đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2017 trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của Công ty.

Mục tiêu phát triển 5 năm của Công ty sẽ được tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng quản lý, kiến thức – kỹ năng cá nhân trong giai đoạn 5 năm đầu 2016-2020.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra giám sát thông qua kiểm soát nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS. Trong năm 2018, BKS sẽ trình ĐHĐCĐ phê duyệt bầu bổ sung 02 thành viên vào cơ cấu hoạt động.

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Năm 2017, thành viên HĐQT và BKS không nhận bất kì thù lao nào trong năm vừa qua.

05.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Báo cáo của Ban Giám đốc

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/02/2014, cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 08/01/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Cơ cấu
1	Ông Lã Giang Trung	Chủ tịch	Kiểm Tổng Giám đốc
2	Bà Trần Phương Dung	Thành viên	Không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên	Không điều hành
4	Bà Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Đức Khang	Thành viên	Kiểm Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Cơ cấu
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng ban	Độc lập
2	Bà Đỗ Thị Hằng	Thành viên	Không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	Không điều hành

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Chức vụ	Cơ cấu
1	Ông Lã Giang Trung	Tổng Giám đốc	Độc lập
2	Ông Nguyễn Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc	Độc lập

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lã Giang Trung, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BCTC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hestia được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

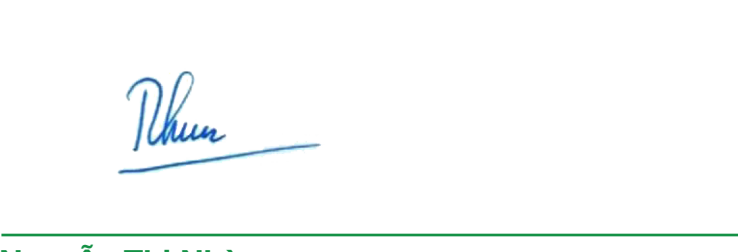
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hestia tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Nhàn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2959-2016-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		216.103.431.877	50.653.313.617
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.967.371.926	64.293.076
111	1. Tiền		12.967.371.926	64.293.076
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	194.413.743.032	50.500.924.119
121	1. Chứng khoán kinh doanh		195.320.375.032	50.606.604.945
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(906.632.000)	(105.680.826)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.657.335.758	76.611.590
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	9.571.590
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	48.837.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	8.608.498.758	67.040.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.981.161	11.484.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	64.981.161	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	-	11.484.832
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.697.208	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		71.697.208	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	71.697.208	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		216.175.129.085	50.653.313.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		87.011.198.597	33.403.434.697
310	I. Nợ ngắn hạn		87.011.198.597	33.403.434.697
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	30.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.710.097.773	-
314	3. Phải trả người lao động		441.140.000	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	10	75.112.954.939	900.959.363
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8	9.447.005.885	32.472.475.334
321	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	11	300.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		129.163.930.488	17.249.878.920
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	129.163.930.488	17.249.878.920
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.808.460.000	16.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.808.460.000	16.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		68.139.055.384	0
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.216.415.104	1.249.878.920
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		449.878.920	-3.167.428.461
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		14.766.536.184	4.417.307.381
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		216.175.129.085	50.653.313.617


Trần Thị Hiền
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018


Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	3.000.000	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.000.000	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.000.000	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	28.871.455.638	8.363.132.412
22	7. Chi phí tài chính	15	7.535.495.492	3.425.898.584
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.377.642.573	2.067.824.657
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	2.985.662.845	344.309.495
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.353.297.301	4.592.924.333
31	11. Thu nhập khác		2.585.661	16.818.216
32	12. Chi phí khác		1.311.871	3.920.000
40	13. Lợi nhuận khác		81.260.397	12.898.216
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.434.557.698	4.605.822.549
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	3.668.021.514	188.515.168
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.766.536.184	4.417.307.381
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	8.170	3.648
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19	7.235	3.648


Trần Thị Hiền
Người lập biểu
Hà nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018


Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		120.332.149.434	37.191.507.060
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(249.446.739.345)	(65.079.543.701)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.432.053.440)	(150.000.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.377.642.573)	(2.067.824.657)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.000.000.000)	(200.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		75.036.751.246	56.944.986
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(560.136.764)	(236.030.725)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(61.447.671.442)	(30.484.947.037)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		135.704.357	1.850.863
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		135.704.357	1.850.863
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		97.240.515.384	7.800.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		394.461.223.724	70.977.571.795
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(417.486.693.173)	(48.236.132.299)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		74.215.045.935	30.541.439.496
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.903.078.850	58.343.322
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		64.293.076	5.949.754
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	12.967.371.926	64.293.076


Trần Thị Hiền
Người lập biểu
Hà nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018


Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng


Lã Giang Trung
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 14, số 1 Thái Hà , Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 45.808.460.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 45.808.460.000 đồng; tương đương 4.580.846 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Mua bán chứng khoán kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập vào thời điểm cuối năm, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên các sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

(tiếp theo)

2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân

phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
• Tiền mặt	8.721.246	-
• Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.958.650.680	64.293.076
	12.967.371.926	64.293.076

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Phụ lục số 01 - Các khoản Đầu tư tài chính trang số 58

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	25.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)	19.837.000	-	-	-
Công ty Luật TNHH Việt An	4.000.000	-	-	-
	48.837.000	-	-	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4.994	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	530.136.764	-	-	-
Phải thu tiền bán chứng khoán chưa được thanh toán	8.078.357.000	-	-	-
Phải thu cổ tức bằng tiền	-	-	-	-
	8.608.498.758	-	67.040.000	-

(*) Khoản phải thu về bán chứng khoán kinh doanh 61.660 cổ phiếu mã chứng khoán MWG đã khớp lệnh tại thời điểm 29/12/2017 nhưng chưa nhận được tiền về tài khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017
(tiếp theo)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	64.981.161	-
	64.981.161	-
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	71.697.208	-
	71.697.208	-

8. VAY NGẮN HẠN

Phụ lục số 02 - Các khoản Đầu tư tài chính, từ trang số 59 đến 61

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	4.546.898	179.182	4.367.716
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.484.832	3.668.021.514	2.000.000.000	1.656.536.682
- Thuế thu nhập cá nhân	-	87.739.025	38.545.650	49.193.375
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.1484.832	3.763.307.437	2.041.724.832	1.710.097.773

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	75.000.000.000	-
- Giá trị mua cổ phiếu MWG đã khớp lệnh nhưng chưa thanh toán	-	859.287.000
- Phải trả khác	112.954.939	41.672.363
	75.112.954.939	900.959.363

(*) Các khoản nhận ký quỹ theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu số 3011/2017/HĐCNCP-MBS ngày 30/11/2017 và số 5122017HĐCNCP-MBS ngày 5/12/2017 với Công ty Cổ phần Chứng khoán MB. (Chi tiết hợp đồng chuyển nhượng xem tại phụ lục 01).

11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng phải trả tiền lương thực hiện	300.000.000	-
	300.000.000	-

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	8.200.000.000	-	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Tăng vốn trong năm trước	7.800.000.000	-	-	7.800.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	4.417.307.381	4.417.307.381
Số dư cuối năm trước	16.000.000.000	-	1.249.878.920	17.249.878.920
Số dư đầu năm nay	16.000.000.000	-	1.249.878.920	17.249.878.920
Tăng vốn trong năm nay (*)	29.808.460.000	68.139.055.384	(800.000.000)	97.147.515.384
Lãi trong năm nay	-	-	14.766.536.184	14.766.536.184
Số dư cuối năm nay	45.808.460.000	68.139.055.384	15.216.415.104	129.163.930.488

(*) Trong năm 2017, Công ty đã tăng vốn điều lệ với tổng số tiền 29.808.460.000 đồng thông qua hai hình thức sau:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2017, Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể như sau:
- Số lượng cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động là 80.000 cổ phiếu, tương ứng số vốn điều lệ tăng thêm là 800.000.000 đồng;
 - Tỷ lệ phát hành: 5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành;
 - Đối tượng phát hành: Ban điều hành và cán bộ quản lý chủ chốt có đóng góp cho sự thành công vượt bậc của kinh doanh của Công ty năm 2016;
 - Ngày đăng ký giao dịch thành công là ngày 29/06/2017

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường ngày 15/08/2017, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06/2017/QĐ-HĐQT ngày 21/08/2017 và công văn số 03/2017/CV-HSA ngày 11/12/2017, Công ty báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để huy động vốn: 2.900.846 cổ phiếu; tương ứng số vốn điều lệ tăng thêm là 29.008.460.000 đồng;
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ là: 97.240.515.384 đồng, trong đó chi phí phát hành cổ phiếu 93.000.000 đồng.
- Ngày đăng ký giao dịch thành công là ngày 11/12/2017.
- Tình hình sử dụng vốn: Đầu tư chứng khoán kinh doanh."

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Trần Phương Dung	9,83%	4.503.000.000	13,27%	2.123.000.000
Lã Giang Trung	8,77%	4.018.000.000	21,11%	3.378.000.000
Đào Gia Hưng	6,72%	3.078.000.000	19,24%	3.078.000.000
Chu Minh Ngọc	5,67%	2.598.930.000	1,09%	174.000.000
Nguyễn Bá Hưng	5,28%	2.420.520.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	63,72%	29.190.010.000	45,28%	7.247.000.000
	100%	45.808.460.000	100%	16.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017
(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	29.808.460.000	7.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	45.808.460.000	16.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.580.846	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.580.846	1.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.580.846	1.066.000
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết	-	614.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.580.846	1.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.580.846	1.066.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	614.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Đây là cổ phiếu của cổ đông sáng lập và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ khi thành lập Công ty (19/02/2014). Hạn chế này đã hết hiệu lực vào ngày 19/02/2017.

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.000.000	-
	3.000.000	-

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	39.942.357	1.850.863
Lãi từ kinh doanh chứng khoán (*)	28.735.751.281	8.304.998.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.762.000	56.28.167
	28.871.455.638	8.363.132.412

(*) Chi tiết tại Phụ lục số 03 trang số 62

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.377.642.573	2.067.824.657
Lỗ do kinh doanh chứng khoán (*)	3.278.020.479	1.875.746.486
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	800.951.174	(520.869.351)
Chi phí tài chính khác	78.881.266	3.196.792
- Chi phí giao dịch cổ phiếu	78.881.266	3.196.792
	7.535.495.492	3.425.898.584

(*) Chi tiết tại Phụ lục số 03 trang số 62

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.389.515.969	150.000.000
Thuế, phí, lệ phí	11.039.182	17.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.768.305	154.458.138
Chi phí khác bằng tiền	189.339.389	22.851.357
- Phí tài khoản tại ngân hàng và Công ty chứng khoán	69.070.895	22.851.357
- Chi phí thuê văn phòng và công cụ khác	120.268.494	-
	2.985.662.845	344.309.495

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.434.557.698	4.605.822.549
Các khoản điều chỉnh tăng	1.311.871	15.000.000
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	1.311.871	15.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(95.762.000)	(3.678.246.711)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(95.762.000)	(56.283.167)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(3.621.963.544)
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.340.107.569	942.575.838

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.668.021.514	188.515.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(11.484.832)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.000.000.000)	(200.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.656.536.682	(11.484.832)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017
(tiếp theo)

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.766.536.184	4.417.307.381
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.766.536.184	4.417.307.381
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.807.509,714	1.210.965,753
Chi phí tài chính khác	78.881.266	3.196.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.170	3.648

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

19. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.766.536.184	4.417.307.381
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.766.536.184	4.417.307.381
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.807.509,714	1.210.965,753
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành trong năm (*)	233.395	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.235	3.648

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 15/08/2017, tờ trình 03/2017/HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 04/08/2017 và các hợp đồng vay cá nhân đã ký kết trong năm, Công ty dự kiến phát hành thêm 233.395 cổ phiếu được chuyển đổi từ các khoản vay cá nhân. Chi tiết về điều khoản về hợp đồng vay, số dư khoản vay, giá chuyển đổi và số lượng chuyển đổi xem tại Phụ lục 2.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ sách kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.967.371.926	-	64.293.076	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.608.498.758	-	76.611.590	-
Đầu tư ngắn hạn	195.320.375.032	(906.632.000)	50.606.604.945	(105.680.826)
	216.896.245.716	(906.632.000)	50.747.509.611	(105.680.826)

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vay nợ tài chính		
Vay và nợ	9.447.005.885	32.472.475.334
Phải trả người bán, phải trả khác	75.112.954.939	930.959.363
	84.559.960.824	33.403.434.697

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	194.413.743.032	-	-	194.413.743.032
	194.413.743.032	-	-	194.413.743.032
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	50.500.924.119	-	-	50.500.924.119
	50.500.924.119	-	-	50.500.924.119

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017
(tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.967.371.926	-	-	12.967.371.926
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.608.498.758			8.608.498.758

	21.575.870.684	-	-	21.575.870.684
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.293.076	-	-	64.293.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.611.590			76.611.590
	140.904.666	-	-	140.904.666

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.447.005.885	-	-	9.447.005.885
Phải thu khách hàng, phải thu khác	75.112.954.939			75.112.954.939

	84.559.960.824	-	-	84.559.960.824
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.472.475.334	-	-	32.472.475.334
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.959.363			930.959.363
	33.403.434.697	-	-	33.403.434.697

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRON BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

TIỀN TÊ	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	394.461.223.724	70.977.571.795
b) Số tiền thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(417.486.693.173)	(48.236.132.299)

22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán và chỉ trong lãnh thổ Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả khác		
Ông Lê Giang Trung	-	41.672.363
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.128.000.000	108.000.000
Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc	640.000.000	60.000.000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hiền
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2018



Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lê Giang Trung
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 1 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc
		VND	VND	VND		VND
Tổng giá trị cổ phiếu	3.289.440	195.320.375.032	241.513.180.000	(906.632.000)	485.670	50.606.604.945
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục phương nam (SED)	-	-	-	-	41.900	809.600.826
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)(*)	1.222.300	116.003.673.312	160.121.300.000	-	427.720	49.570.408.618
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC)	-	-	-	-	15.330	226.595.501
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (HVT)	-	-	-	-	720	14.760.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (TA9)	109.700	2.248.387.530	1.557.740.000	(690.647.530)	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Á Đông (ADP)	36.600	1.295.684.470	1.079.700.000	(215.984.470)	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) (*)	1.920.840	75.772.629.720	78.754.440.000	-	-	-
	3289440	195.320.375.032	241.513.180.000	(906.632.000)	485.670	50.606.604.945
						67.676.016.000
						(105.680.862)

(*) Theo điều khoản tại các hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu số 3011/2017/HĐCNCP-MBS ngày 30/11/2017 và số 5122017HĐCNCP-MBS ngày 5/12/2017, Công ty Cổ phần Hestia sẽ chuyển nhượng 583.960 cổ phiếu MWG và 1.700.000 cổ phiếu VPB cho Công ty Cổ phần Chứng khoán MB. Theo đó Công ty Cổ phần Chứng khoán MB. Theo đó, Công ty Cổ phần chứng khoán MB đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hestia số tiền 75 tỷ đồng (xem chi tiết tại Thuyết minh số 10) và các cổ phiếu dự kiến chuyển nhượng này đang được phong tỏa để đảm bảo cho các bản hợp đồng chuyển nhượng nêu trên được thực hiện.

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2017 trên sang HNX và HOSE được niêm yết trên thị trường Chứng khoán

PHỤ LỤC 2 - VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017			31/12/2017		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (i)	32.472.475.334	32.472.475.334	259.465.542.109	291.938.017.443	-	-
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	-	-	28.304.987.621	28.304.987.621	-	-
Các khoản vay cá nhân (iii)	-	-	106.687.521.269	97.240.515.384	9.447.005.885	9.447.005.885
Vay thế tín dụng	-	-	3.172.725	3.172.725	-	-
	32.472.475.334	32.472.475.334	394.461.223.724	417.486.693.173	9.447.005.885	9.447.005.885

(i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (SSI) số 3575/2014/HĐMR-SSIHN ngày 06/03/2014, lãi suất cho vay được SSI quy định tại từng thời điểm, hạn mức tín dụng sẽ được điều chỉnh thường xuyên căn cứ vào giá thị trường của tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do UBCKNN công bố tùy từng thời điểm, giá trị Tài sản đảm bảo được SSI đánh giá và điều chỉnh thường xuyên và các ngày giao dịch bình thường của SGDCK. Số dư đến thời điểm 31/12/2017 là 0 đồng.

(ii) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS) số 301109/GD-VCBS ngày 06/01/2017, lãi suất cho vay được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam quy định tại từng thời kỳ, hạn mức cho vay tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của VCBS trong từng thời kỳ, thời hạn vay tối đa 3 tháng kể từ ngày thực hiện giải ngân khoản vay. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công bố tùy từng thời điểm. Số dư đến thời điểm 31/12/2017 là 0 đồng.

(iii) Các hợp đồng vay cá nhân với các điều khoản cụ thể:

- Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay;
- Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Trong thời hạn vay, bên vay có quyền quyết định phát hành cổ phiếu để chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu, giá chuyển đổi là giá trị tài sản ròng trên 1 cổ phiếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay, trong trường hợp bên cho vay không chuyển đổi gốc vay thành cổ phiếu thì lãi suất cho vay 8%/năm;
- Các khoản vay không có tài sản đảm bảo;
- Tổng giá trị gốc vay đến thời điểm 31/12/2017 là 9.447.005.885 đồng. Chi tiết các cá nhân vay như sau:

Tên đối tượng - Hợp đồng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Số dư tại 31/12/2017		Giá chuyển đổi thành cổ phiếu		Số lượng cổ phiếu dự kiến chuyển đổi	
				VND		VND		VND	
Mai Ngọc Linh - Hợp đồng vay số 150/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	253.000.000		37.504		6.746	
Nguyễn Thế Phong - Hợp đồng vay số 153/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	2.000.000.000		40.067		49.916	
Mai Ngọc Linh - Hợp đồng vay số 155/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	50.240.000		40.064		1.254	
Phạm Thúy Nga - Hợp đồng vay số 152/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	150.000.000		40.761		3.680	
Lã Thị Thu Thủy - Hợp đồng vay số 157/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	203.000.000		40.763		4.980	
Đỗ Thị Hằng - Hợp đồng vay số 158/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.600.000		41.318		4.855	
Lê Anh Tuấn - Hợp đồng vay số 160/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.040.000.000		41.314		25.173	
Lê Hoàng Hoa - Hợp đồng vay số 159/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000		41.314		4.841	
Đặng Bích Ngọc - Hợp đồng vay số 161/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	900.000.000		39.313		22.893	
Nguyễn Tú Anh - Hợp đồng vay số 162/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	100.000.000		39.308		2.544	
Phạm Thúy Nga - Hợp đồng vay số 152/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	50.000.000		39.308		1.272	

Tên đối tượng - Hợp đồng	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Số dư tại 31/12/2017		Giá chuyển đổi thành cổ phiếu		Số lượng cổ phiếu dự kiến chuyển đổi	
				VND		VND		VND	
Trần Thị Bình - Hợp đồng vay số 165/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000		39.912		5.011	
Đoàn Thị Vân Anh - Hợp đồng vay số 167/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000		39.912		5.011	
Vũ Bình Tâm - Hợp đồng vay số 170/2017/HĐVT	VND		Tín chấp	250.000.000		41.425		4.828	
Phạm Xuân Dũng - Hợp đồng vay số 169/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	250.000.000		41.425		6.035	
Vũ Đình Dũng - Hợp đồng vay số 171/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.922.637		41.427		4.850	
Vương Thùy Chi - Hợp đồng vay số 172/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	239.817.722		41.426		5.789	
Lưu Liên Hương - Hợp đồng vay số 173/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000		42.239		4.735	
Lưu Anh Tuấn - Hợp đồng vay số 174/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	571.119.000		42.243		13.520	
Ngô Thị Huệ Minh - Hợp đồng vay số 175/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	200.000.000		42.535		4.702	
Dương Xuân Tỷ - Hợp đồng vay số 176/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	340.000.000		39.976		8.505	
Đào Thị Bích Hạnh - Hợp đồng vay số 178/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	505.055.000		40.192		12.566	
Dương Xuân Tỷ - Hợp đồng vay số 176/2017/HĐVT	VND	8%	Tín chấp	1.193.251.526		40.192		29.689	
				9.447.005.885				233.395	

PHỤ LỤC 3 - CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Mã Chứng khoán	Số dư đầu năm	Mua trong năm	Bán trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị bán thu được	Lãi/Lỗ thuần	Lãi từ kinh doanh chứng khoán	Lỗ do kinh doanh chứng khoán
MWG	49.570.408.618	135.419.351.838	68.986.087.144	116.003.673.312	95.991.881.011	27.005.793.867	27.005.793.867	
SED	809.600.826		809.600.826	-	674.346.960	(135.253.866)	-	(135.253.866)
BMC	226.595.501		226.595.501	-	293.952.672	67.357.171	68.822.017	(1.464.846)
HVT		572.894.000	572.894.000	-	683.387.379	110.493.379	110.493.379	-
NSC		4.365.209.009	4.365.209.009	-	4.729.705.877	364.496.868	364.496.868	-
VNS		12.046.955.506	12.046.955.506	-	9.050.433.000	(2.996.522.506)	-	(2.996.522.506)
CNG		403.904.951	403.904.951	-	358.555.000	(45.349.951)	-	(45.349.951)
PVB		163.464.830	163.464.830	-	198.711.485	35.246.655	35.246.655	-
HPP		134.471.405	134.471.405	-	128.050.000	(6.421.405)	-	(6.421.405)
HDG		14.784.865.400	14.784.865.400	-	15.814.772.050	1.029.906.650	1.122.914.555	(93.007.905)
TA9		2.248.387.530		2.248.387.530	-	-	-	-
ADP		1.295.684.470		1.295.684.470	-	-	-	-
VTA		116.174.000	116.174.000	-	125.811.000	9.637.000	9.637.000	-
TAG		342.553.060	342.553.060	-	360.900.000	18.346.940	18.346.940	-
VPB		75.772.629.720		75.772.629.720	-	-	-	-
Tổng	50.606.604.945	247.666.545.719	102.952.775.632	195.320.375.032	128.410.506.434	25.457.730.802	28.735.751.281	(3.278.020.479)

PHỤ LỤC 4 - BÁO CÁO GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	đồng	34.424.970.801	5.320.688.876
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	đồng	151.285.402.540	29.104.281.925
	Trong đó:			
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và giao dịch trong năm		44.690.881.271	21.304.281.925
2	Thay đổi tăng giá trị tài sản ròng do phát hành cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi		106.594.521.269	7.800.000.000
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	đồng	185.710.373.341	34.424.970.801
1	Tổng giá trị tài sản		263.274.566.053	67.828.405.498
1.1	Tiền & tương đương tiền		12.967.371.926	64.293.076
1.2	Giá trị thị trường của danh mục đầu tư		241.513.180.000	67.676.016.000
1.3	Các tài sản khác		8.794.014.127	88.096.422
2	Nợ phải trả (ngoại trừ nợ chuyển đổi)		77.564.192.712	33.403.434.697
2.1	Các nghĩa vụ nợ khác		77.564.192.712	33.403.434.697
IV	Số lượng cổ phiếu	cổ phiếu	4.814.241	1.600.000
1	Số lượng cổ phiếu hiện tại		4.580.846	1.600.000
2	Số lượng cổ phiếu dự kiến chuyển đổi từ nợ		233.395	-
V	Giá trị tài sản ròng trên mỗi cổ phiếu	đồng	38.575	21.516